

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 7521/BTC-TCDN
V/v tổng hợp, báo cáo đánh giá
tình hình thực hiện kế hoạch tài
chính năm 2022, xây dựng kế
hoạch tài chính năm 2023 và lập
dự toán ngân sách nhà nước
giai đoạn 2023 - 2025

Hà Nội, ngày 01 tháng 8 năm 2022

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước.

Thực hiện quy định tại Điều 33 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; Điều 8, Điều 9 Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/5/2021 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018; Nghị định số 121/2020/NĐ-CP ngày 09/10/2020 và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ, Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, Bộ Tài chính đề nghị:

I – Đối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là cơ quan đại diện chủ sở hữu)

1. Rà soát và đôn đốc các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (bao gồm Công ty mẹ - các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước; Công ty mẹ - các Công ty TNHH MTV hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, các công ty TNHH MTV độc lập) và Người đại diện phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp có vốn nhà nước (bao gồm cả các tập đoàn cổ phần, tổng công ty cổ phần, công ty mẹ - con cổ phần) thực hiện gửi dữ liệu báo cáo kế hoạch tài chính năm 2022 lên hệ thống thông tin quản lý tài chính doanh

ng nghiệp (MIS) trên website tại địa chỉ <http://taichinhdoanhnghiep.mof.gov.vn> theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/5/2021 của Bộ Tài chính (website thay thế địa chỉ <http://soe.mof.gov.vn> hoặc <http://dnvn.mof.gov.vn>). Tài khoản và mật khẩu để đăng nhập của cơ quan đại diện chủ sở hữu, doanh nghiệp đã được Bộ Tài chính cung cấp.

2. Căn cứ báo cáo của các doanh nghiệp đã gửi lên hệ thống thông tin quản lý tài chính doanh nghiệp trên website tại địa chỉ <http://taichinhdoanhnghiep.mof.gov.vn> và nội dung báo cáo của doanh nghiệp, đề nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu tổng hợp số liệu báo cáo, đánh giá tình hình thực hiện ngân sách nhà nước năm 2022, dự toán năm 2023 và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2023-2025 của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp có vốn nhà nước (Mẫu biểu báo cáo theo Phụ lục 1, 2, 3 kèm theo công văn này).

3. Báo cáo tổng hợp số liệu, đánh giá tình hình thực hiện ngân sách nhà nước năm 2022, xây dựng dự toán năm 2023 và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2023-2025 của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc cơ quan đại diện chủ sở hữu theo Phụ lục 1, 2, 3 gửi về Bộ Tài chính (Cục Tài chính doanh nghiệp), số 28 Trần Hưng Đạo – Quận Hoàn Kiếm – Thành phố Hà Nội **trước ngày 20/8/2022** (kèm theo thư điện tử về địa chỉ: nguyenthithuphuong1@mof.gov.vn).

4. Trường hợp trong năm, doanh nghiệp không thực hiện báo cáo hoặc chậm nộp báo cáo, đề nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét việc chấp hành chế độ báo cáo của doanh nghiệp khi thực hiện đánh giá, xếp loại doanh nghiệp và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với người quản lý doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp đối với năm đó theo quy định.

II – Đối với các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty, Công ty mẹ - công ty con; doanh nghiệp độc lập và Người đại diện phần vốn nhà nước tại các Tập đoàn cổ phần, Tổng công ty cổ phần, Công ty mẹ - công ty con cổ phần, doanh nghiệp có vốn nhà nước do Trung ương quản lý

1. Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty, các Công ty mẹ - công ty con do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; Người đại diện phần vốn nhà nước tại các Tập đoàn cổ phần, Tổng công ty cổ phần, Công ty mẹ - công ty con cổ phần thực hiện gửi dữ liệu báo cáo kế hoạch tài chính năm 2022 lên hệ thống thông tin quản lý tài chính doanh nghiệp trên website tại địa chỉ <http://taichinhdoanhnghiep.mof.gov.vn> theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/5/2021 của Bộ Tài chính; báo cáo số liệu theo mẫu

biểu tại Phụ lục 1, 2 và báo cáo phân tích, đánh giá tình hình thực hiện ngân sách nhà nước năm 2022, xây dựng dự toán năm 2023 và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2023-2025 theo Đề cương tại Phụ lục 3 kèm theo công văn này.

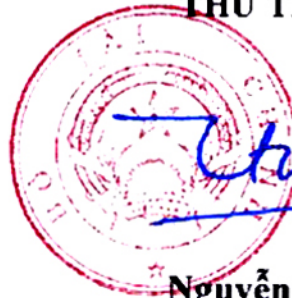
2. Báo cáo số liệu, đánh giá tình hình thực hiện ngân sách nhà nước năm 2022, xây dựng dự toán năm 2023 và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2023-2025 của các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty mẹ - công ty con theo Phụ lục 1, 2, 3 đề nghị gửi Cơ quan đại diện chủ sở hữu, đồng gửi Bộ Tài chính (Cục Tài chính doanh nghiệp), số 28 Trần Hưng Đạo – Quận Hoàn Kiếm – Thành phố Hà Nội **trước ngày 10/8/2022** (kèm theo thư điện tử về địa chỉ: nguyenthithuphuong1@mof.gov.vn).

Bộ Tài chính đề nghị các Cơ quan đại diện chủ sở hữu, các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Công ty mẹ - công ty con, Người đại diện vốn nhà nước tại các Tập đoàn cổ phần, Tổng công ty cổ phần, công ty mẹ - con cổ phần thực hiện chế độ báo cáo đảm bảo thời gian, đầy đủ thông tin, chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung và số liệu báo cáo để Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Hồ Đức Phúc (để báo cáo);
- Sở Tài chính các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Lưu: VT, TCDN .

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Đức Chi

DANH SÁCH TẬP ĐOÀN, TỔNG CÔNG TY NHÀ NƯỚC GỬI VĂN BẢN

(Kèm theo công văn số 7521/BTC-TCDN ngày 01/8/2022 của Bộ Tài chính)

I Tập đoàn kinh tế (10 DN)	
1	Tập đoàn Viễn thông Quân đội
2	Tập đoàn Hưu chính viễn thông VN
3	Tập đoàn Dầu khí QG Việt Nam
4	Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
5	Tập đoàn Điện lực Việt Nam
6	Tập đoàn CN Than KS Việt Nam
7	Tập đoàn Dệt may Việt Nam - CTCP
8	Tập đoàn CN Cao su Việt Nam - CTCP
9	Tập đoàn Bảo Việt - CTCP
10	Tập đoàn Xăng dầu VN - CTCP
II Tổng công ty nhà nước (67 DN)	
1	Tổng công ty Hàng hải Việt Nam
2	Tổng công ty ĐLPT đường cao tốc Việt Nam
3	Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam
4	Tổng công ty Đường sắt Việt Nam
5	Tổng công ty Bảo đảm an toàn Hàng hải Miền Bắc
6	Tổng công ty Bảo đảm an toàn Hàng hải Miền Nam
7	Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị (HUD)
8	Tổng công ty Xi măng Việt Nam
9	Tổng công ty Cà phê Việt Nam
10	Tổng công ty Lương thực miền Bắc
11	Tổng công ty Truyền thông Đa phương tiện
12	Tổng công ty Viễn thông MobiFone
13	Tổng công ty Bưu điện Việt Nam
14	TCT 15
15	TCT Trục thép VN
16	TCT XNK tổng hợp Vạn Xuân
17	TCT Xăng dầu Quân đội
18	TCT 319
19	TCT Đầu tư phát triển Nhà và Đô thị BQP
20	TCT XD Trường sơn
21	TCT Xây dựng Lũng Lô
22	TCT Thái Sơn
23	TCT Đông Bắc
24	TCT Thành An
25	TCT 789
26	TCT Kinh tế kỹ thuật CNQP (GAET)
27	TCT Ba Sơn
28	TCT Sông Thu
29	TCT XD công trình hàng không ACC
30	TCT 28

31	TCT Tân cảng SG
32	TCT Hợp tác kinh tế
33	Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai
34	Tổng công ty Khánh Việt
35	Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC)
36	Tổng công ty Giấy Việt Nam
37	TCT Thuốc lá Việt Nam
38	TCT Đầu tư phát triển hạ tầng đô thị
39	TCT Đầu tư phát triển nhà Hà Nội
40	TCT Vận tải Hà Nội
41	TCT Du lịch Hà Nội
42	Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn TNHH MTV
43	TCT Cơ Khí Giao Thông Vận tải Sài Gòn-TNHH MTV
44	Tổng công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH MTV
45	Tổng công ty Liksin
46	Tổng công ty Bến Thành - TNHH MTV
47	Tổng Công ty Xây dựng Sài Gòn - TNHH MTV
48	Tổng công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH MTV
49	TCT Văn hóa Sài Gòn - TNHH MTV
50	TCT Địa ốc Sài Gòn - TNHH MTV
51	TCT Nông nghiệp Sài Gòn -TNHH MTV
52	TCT Công nghiệp Sài Gòn -TNHH MTV
53	Tổng công ty Cảng Hàng không Việt Nam-CTCP
54	Tổng công ty Hàng không Việt Nam-CTCP
55	Tổng công ty Cơ khí Xây dựng-CTCP
56	Tổng công ty CP Lắp máy Việt Nam
57	Tổng công ty CP Xây dựng Hà Nội
58	Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam - CTCP
59	Tổng công ty Lương thực miền Nam - CTCP
60	Tổng công ty Phát triển Khu công nghiệp - CTCP
61	Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP
62	Tổng công ty Khoáng sản và TM Hòa Bình - CTCP
63	Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP
64	Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội
65	Tổng công ty cổ phần xây dựng công nghiệp Việt Nam
66	Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP
67	Tổng công ty Dược VN -CTCP

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - CÔNG TY MẸ DOANH NGHIỆP DO NHÀ NƯỚC NÂM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ VÀ DOANH NGHIỆP CÓ VỐN NHÀ NƯỚC
(Phụ lục kèm theo công văn số 7521/BTC-TCDN ngày 01/8/2022 của Bộ Tài chính)

Số liệu báo cáo công ty mẹ đối với các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp có vốn nhà nước và số liệu báo cáo tài chính của các doanh nghiệp độc lập

B. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu
đồng

đính

TT	Tên Doanh nghiệp	Tỷ lệ vốn nhà nước tại doanh nghiệp	I. KẾT QUẢ KINH DOANH													
			1. Tổng doanh thu (Mã số 10 + 21 + 31 KQKD)						2.a. Lợi nhuận trước thuế TNDN (Mã số 59 KQKD)							
			Năm 2021	Năm 2022			Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Năm 2021	Năm 2022			Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2025
				Kế hoạch	Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện					Kế hoạch	Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện			
A	Tổng cộng (B+C)															
B	Doanh nghiệp do Trung ương quản lý (=I+II+III+IV)															
I	Tập đoàn (=1+2+...)															
1.1	Doanh nghiệp A															
1.2	Doanh nghiệp B															
II	Tổng công ty (=1+2+...)															
1.1	Doanh nghiệp A															
1.2	Doanh nghiệp B															
III	Công ty mẹ - công ty con (=1+2+...)															
1.1	Doanh nghiệp A															
1.2	Doanh nghiệp B															
IV	Doanh nghiệp độc lập (=1+2+...)															
1.1	Doanh nghiệp A															
1.2	Doanh nghiệp B															
C	Doanh nghiệp do địa phương quản lý (=I+II+III+IV)															
II	Tổng công ty (=1+2+...)															
1.1	Doanh nghiệp A															
1.2	Doanh nghiệp B															
III	Công ty mẹ - công ty con (=1+2+...)															
1.1	Doanh nghiệp A															
1.2	Doanh nghiệp B															
IV	Doanh nghiệp độc lập (=1+2+...)															
1.1	Doanh nghiệp A															
1.2	Doanh nghiệp B															

TT	Tên Doanh nghiệp	1. KẾT QUẢ KINH DOANH													
		2.b. Lãi phát sinh sau thuế TNDN (Mã số 50 KQKD)						3. Lỗ phát sinh (Mã số 50 KQKD âm)							
		Năm 2021	Năm 2022			Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Năm 2021	Năm 2022			Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2025
			Kế hoạch	Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện					Kế hoạch	Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện			
A	Tổng cộng (B+C)														
B	Doanh nghiệp do Trung ương quản lý (=I+II+III+IV)														
I	Tập đoàn (=1+2+...)														
1.1	Doanh nghiệp A														
1.2	Doanh nghiệp B														
II	Tổng công ty (=1+2+...)														
1.1	Doanh nghiệp A														
1.2	Doanh nghiệp B														
III	Công ty mẹ - công ty con (=1+2+...)														
1.1	Doanh nghiệp A														
1.2	Doanh nghiệp B														
IV	Doanh nghiệp độc lập (=1+2+...)														
1.1	Doanh nghiệp A														
1.2	Doanh nghiệp B														
C	Doanh nghiệp do Địa phương quản lý (=I+II+III+IV)														
II	Tổng công ty (=1+2+...)														
1.1	Doanh nghiệp A														
1.2	Doanh nghiệp B														
III	Công ty mẹ - công ty con (=1+2+...)														
1.1	Doanh nghiệp A														
1.2	Doanh nghiệp B														
IV	Doanh nghiệp độc lập (=1+2+...)														
1.1	Doanh nghiệp A														
1.2	Doanh nghiệp B														

TT	Tên Doanh nghiệp	4. Lũy kế (Mã số 421 (ĐK&T) á)						II. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHÁT SINH PHẢI NỘP NSNN							
		Năm 2021	Năm 2022			Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Năm 2021	Năm 2022			Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2025
			Kế hoạch	Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện					Kế hoạch	Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện			
A	Tổng cộng (B+C)														
B	Doanh nghiệp do Trung ương quản lý (=I+II+III+IV)														
I	Tập đoàn (=1+2+...)														
1.1	Doanh nghiệp A														
1.2	Doanh nghiệp B														
II	Tổng công ty (=1+2+...)														
1.1	Doanh nghiệp A														
1.2	Doanh nghiệp B														
III	Công ty mẹ - công ty con (=1+2+...)														
1.1	Doanh nghiệp A														
1.2	Doanh nghiệp B														
IV	Doanh nghiệp độc lập (=1+2+...)														
1.1	Doanh nghiệp A														
1.2	Doanh nghiệp B														
C	Doanh nghiệp do Địa phương quản lý (=I+II+III+IV)														
II	Tổng công ty (=1+2+...)														
1.1	Doanh nghiệp A														
1.2	Doanh nghiệp B														
III	Công ty mẹ - công ty con (=1+2+...)														
1.1	Doanh nghiệp A														
1.2	Doanh nghiệp B														
IV	Doanh nghiệp độc lập (=1+2+...)														
1.1	Doanh nghiệp A														
1.2	Doanh nghiệp B														

YT	Tên doanh nghiệp	II. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI SINH PHẢI NỘP NSNN																					
		I. Từ hoạt động kinh doanh nội địa						I.a. Thuế GTGT						I.b. Thuế TTDB									
		Năm 2021	Năm 2022			Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Năm 2021	Năm 2022			Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Năm 2021	Năm 2022			Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2025	
			Kế hoạch	Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện					Kế hoạch	Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện					Kế hoạch	Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện				
A	Tổng cộng (B+C)																						
B	Doanh nghiệp do Trung ương quản lý (=I+II+III+IV)																						
I	Tập đoàn (=1+2+...)																						
I.1	Doanh nghiệp A																						
I.2	Doanh nghiệp B																						
II	Tổng công ty (=1+2+...)																						
II.1	Doanh nghiệp A																						
II.2	Doanh nghiệp B																						
III	Công ty mẹ - công ty con (=1+2+...)																						
III.1	Doanh nghiệp A																						
III.2	Doanh nghiệp B																						
IV	Doanh nghiệp độc lập (=1+2+...)																						
IV.1	Doanh nghiệp A																						
IV.2	Doanh nghiệp B																						
C	Doanh nghiệp do Địa phương quản lý (=I+II+III+IV)																						
II	Tổng công ty (=1+2+...)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II.1	Doanh nghiệp A																						
II.2	Doanh nghiệp B																						
III	Công ty mẹ - công ty con (=1+2+...)																						
III.1	Doanh nghiệp A																						
III.2	Doanh nghiệp B																						
IV	Doanh nghiệp độc lập (=1+2+...)																						
IV.1	Doanh nghiệp A																						
IV.2	Doanh nghiệp B																						

TT	Tên Doanh nghiệp	II. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHÁT SINH PHẢI NỘP NSNN														
		1.c. Thuế TNDN					1.d. Các khoản thuế, phí phải nộp khác					2. Từ hoạt động kinh doanh XNK				
		Năm 2021	Năm 2022			Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Năm 2021	Năm 2022			Năm 2021	Năm 2022		
			Kế hoạch	Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện					Kế hoạch	Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện		Kế hoạch	Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện
A	Tổng cộng (B+C)															
B	Doanh nghiệp do Tổng ương quản lý (=I+II+III+IV)															
I	Tập đoàn (=1+2+...)															
1.1	Doanh nghiệp A															
1.2	Doanh nghiệp B															
II	Tổng công ty (=1+2+...)															
1.1	Doanh nghiệp A															
1.2	Doanh nghiệp B															
III	Công ty mẹ - công ty con (=1+2+...)															
1.1	Doanh nghiệp A															
1.2	Doanh nghiệp B															
IV	Doanh nghiệp độc lập (=1+2+...)															
1.1	Doanh nghiệp A															
1.2	Doanh nghiệp B															
C	Doanh nghiệp do Địa phương quản lý (=I+II+III+IV)															
II	Tổng công ty (=1+2+...)															
1.1	Doanh nghiệp A															
1.2	Doanh nghiệp B															
III	Công ty mẹ - công ty con (=1+2+...)															
1.1	Doanh nghiệp A															
1.2	Doanh nghiệp B															
IV	Doanh nghiệp độc lập (=1+2+...)															
1.1	Doanh nghiệp A															
1.2	Doanh nghiệp B															

TT	Tên Doanh nghiệp	II. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHÁT SINH PHẢI NỘP NSNN													IV. Thuế và các khoản đã nộp NSNN								
		2.a. Thuế XK					3. Thu từ lợi nhuận sau thuế đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; thu từ cổ tức, lợi nhuận được chia theo phần vốn nhà nước đối với công ty cổ phần, công ty TNHH MTV trừ M																
		Năm 2021	Năm 2022			Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Năm 2021	Năm 2022			Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Năm 2021	Năm 2022			Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2025	
			Kế hoạch	Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện					Kế hoạch	Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện					Kế hoạch	Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện				
A	Tổng cộng (B+C)																						
B	Doanh nghiệp do Trung ương quản lý (=I+II+III+IV)																						
I	Tập đoàn (=1+2+...)																						
1.1	Doanh nghiệp A																						
1.2	Doanh nghiệp B																						
II	Tổng công ty (=1+2+...)																						
1.1	Doanh nghiệp A																						
1.2	Doanh nghiệp B																						
III	Công ty mẹ - công ty con (=1+2+...)																						
1.1	Doanh nghiệp A																						
1.2	Doanh nghiệp B																						
IV	Doanh nghiệp độc lập (=1+2+...)																						
1.1	Doanh nghiệp A																						
1.2	Doanh nghiệp B																						
C	Doanh nghiệp do Địa phương quản lý (=I+II+III+IV)																						
II	Tổng công ty (=1+2+...)																						
1.1	Doanh nghiệp A																						
1.2	Doanh nghiệp B																						
III	Công ty mẹ - công ty con (=1+2+...)																						
1.1	Doanh nghiệp A																						
1.2	Doanh nghiệp B																						
IV	Doanh nghiệp độc lập (=1+2+...)																						
1.1	Doanh nghiệp A																						
1.2	Doanh nghiệp B																						

TT	Tên Doanh nghiệp	III. THỰC VÀ CÁC KHUẢN DÃ NỘP NSNN														
		1. Từ hoạt động kinh doanh nội địa					1.a. Thuế GTGT					1.b. Thuế TTDB				
		Năm 2021	Năm 2022			Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Năm 2021	Năm 2022			Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Năm 2021
			Kế hoạch	Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện					Kế hoạch	Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện				
A	Tổng cộng (B+C)															
B	Doanh nghiệp do Trung ương quản lý (=I+II+III+IV)															
I	Tập đoàn (=1+2+...)															
1.1	Doanh nghiệp A															
1.2	Doanh nghiệp B															
II	Tổng công ty (=1+2+...)															
1.1	Doanh nghiệp A															
1.2	Doanh nghiệp B															
III	Công ty mẹ - công ty con (=1+2+...)															
1.1	Doanh nghiệp A															
1.2	Doanh nghiệp B															
IV	Doanh nghiệp độc lập (=1+2+...)															
1.1	Doanh nghiệp A															
1.2	Doanh nghiệp B															
C	Doanh nghiệp do Địa phương quản lý (=I+II+III+IV)															
II	Tổng công ty (=1+2+...)															
1.1	Doanh nghiệp A															
1.2	Doanh nghiệp B															
III	Công ty mẹ - công ty con (=1+2+...)															
1.1	Doanh nghiệp A															
1.2	Doanh nghiệp B															
IV	Doanh nghiệp độc lập (=1+2+...)															
1.1	Doanh nghiệp A															
1.2	Doanh nghiệp B															

TT	Tên Doanh nghiệp	III. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN BÃ NỢP NSNN														
		1.c. Thuế TNDN					1.d. Các khoản thuế, phí phải nộp khác					2. Từ hoạt động kinh doanh XNK				
		Năm 2021	Năm 2022			Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Năm 2021	Năm 2022			Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2021
			Kế hoạch	Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện					Kế hoạch	Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện		Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2025
A	Tổng cộng (B+C)															
B	Doanh nghiệp do Trung ương quản lý (=I+II+III+IV)															
I	Tập đoàn (=1+2+...)															
1.1	Doanh nghiệp A															
1.2	Doanh nghiệp B															
II	Tổng công ty (=1+2+...)															
1.1	Doanh nghiệp A															
1.2	Doanh nghiệp B															
III	Công ty mẹ - công ty con (=1+2+...)															
1.1	Doanh nghiệp A															
1.2	Doanh nghiệp B															
IV	Doanh nghiệp độc lập (=1+2+...)															
1.1	Doanh nghiệp A															
1.2	Doanh nghiệp B															
C	Doanh nghiệp do Địa phương quản lý (=I+II+III+IV)															
II	Tổng công ty (=1+2+...)															
1.1	Doanh nghiệp A															
1.2	Doanh nghiệp B															
III	Công ty mẹ - công ty con (=1+2+...)															
1.1	Doanh nghiệp A															
1.2	Doanh nghiệp B															
IV	Doanh nghiệp độc lập (=1+2+...)															
1.1	Doanh nghiệp A															
1.2	Doanh nghiệp B															

TT	Tên Doanh nghiệp	III. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN ĐÃ NỘP NSNN											IV. NỢ THUẾ											
		2.a. Thuế XNK					3. Thu từ lợi nhuận sau thuế đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; thu từ cổ tức, lợi nhuận được chia theo phần vốn nhà nước đối với công ty cổ phần, công ty TNHH 2TV trả lại						1. Nợ thuế và các khoản phát sinh phải nộp Nhà nước											
		Năm 2021	Năm 2022			Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Năm 2021	Năm 2022			Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Năm 2021	Năm 2022			Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2025		
			Kế hoạch	Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện					Kế hoạch	Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện					Kế hoạch	Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện					
A	Tổng cộng (B+C)																							
B	Doanh nghiệp do Trung ương quản lý (=I+II+III+IV)																							
I	Tập đoàn (=1+2+...)																							
1.1	Doanh nghiệp A																							
1.2	Doanh nghiệp B																							
II	Tổng công ty (=1+2+...)																							
1.1	Doanh nghiệp A																							
1.2	Doanh nghiệp B																							
III	Công ty mẹ - công ty con (=1+2+...)																							
1.1	Doanh nghiệp A																							
1.2	Doanh nghiệp B																							
IV	Doanh nghiệp đặc biệt (=1+2+...)																							
1.1	Doanh nghiệp A																							
1.2	Doanh nghiệp B																							
C	Doanh nghiệp do Địa phương quản lý (=I+II+III+IV)																							
II	Tổng công ty (=1+2+...)																							
1.1	Doanh nghiệp A																							
1.2	Doanh nghiệp B																							
III	Công ty mẹ - công ty con (=1+2+...)																							
1.1	Doanh nghiệp A																							
1.2	Doanh nghiệp B																							
IV	Doanh nghiệp đặc biệt (=1+2+...)																							
1.1	Doanh nghiệp A																							
1.2	Doanh nghiệp B																							

TT	Tên Doanh nghiệp	IV. NỢ THUẾ					V. CÁC KHOẢN CHI NSNN									
		1 a. Nợ thuế thu từ lợi nhuận sau thuế đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; thu từ cổ tức, lợi nhuận được chia theo phần vốn nhà nước đối với công ty cổ phần, công ty TNHH 2TV trở lên					V. Các khoản chi NSNN					1. Chi thường xuyên theo quy định tại Nghị định số 148/2021/NĐ-CP				
		Năm 2021	Năm 2022			Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Năm 2021	Năm 2022			Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Năm 2021
			Kế hoạch	Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện					Kế hoạch	Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện				
A	Tổng cộng (B+C)															
B	Doanh nghiệp do Trung ương quản lý (=I+II+III+IV)															
I	Tập đoàn (=1+2+...)															
1.1	Doanh nghiệp A															
1.2	Doanh nghiệp B															
II	Tổng công ty (=1+2+...)															
1.1	Doanh nghiệp A															
1.2	Doanh nghiệp B															
III	Công ty mẹ - công ty con (=1+2+...)															
1.1	Doanh nghiệp A															
1.2	Doanh nghiệp B															
IV	Doanh nghiệp độc lập (=1+2+...)															
1.1	Doanh nghiệp A															
1.2	Doanh nghiệp B															
C	Doanh nghiệp do Địa phương quản lý (=I+II+III+IV)															
II	Tổng công ty (=1+2+...)															
1.1	Doanh nghiệp A															
1.2	Doanh nghiệp B															
III	Công ty mẹ - công ty con (=1+2+...)															
1.1	Doanh nghiệp A															
1.2	Doanh nghiệp B															
IV	Doanh nghiệp độc lập (=1+2+...)															
1.1	Doanh nghiệp A															
1.2	Doanh nghiệp B															

TT	Tên Doanh nghiệp	V. CÁC KHOẢN CHI NSNN													
		2. Chi đầu tư phát triển theo quy định tại Nghị định số 148/2021/NĐ-CP						3. Chi khác							
		Năm 2021	Năm 2022			Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Năm 2021	Năm 2022			Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2025
			Kế hoạch	Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện					Kế hoạch	Thực hiện đến 30/6	Hết thực hiện			
A	Tổng cộng (B+C)														
B	Doanh nghiệp do Trung ương quản lý (=I+II+III+IV)														
I	Tập đoàn (=1+2+...)														
1.1	Doanh nghiệp A														
1.2	Doanh nghiệp B														
II	Tổng công ty (=1+2+...)														
1.1	Doanh nghiệp A														
1.2	Doanh nghiệp B														
III	Công ty mẹ - công ty con (=1+2+...)														
1.1	Doanh nghiệp A														
1.2	Doanh nghiệp B														
IV	Doanh nghiệp độc lập (=1+2+...)														
1.1	Doanh nghiệp A														
1.2	Doanh nghiệp B														
C	Doanh nghiệp do Địa phương quản lý (=I+II+III+IV)														
II	Tổng công ty (=1+2+...)														
1.1	Doanh nghiệp A														
1.2	Doanh nghiệp B														
III	Công ty mẹ - công ty con (=1+2+...)														
1.1	Doanh nghiệp A														
1.2	Doanh nghiệp B														
IV	Doanh nghiệp độc lập (=1+2+...)														
1.1	Doanh nghiệp A														
1.2	Doanh nghiệp B														

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH -HỢP NHẤT DOANH NGHIỆP DO NHÀ NƯỚC NÂM GIỮ 100% VỐN ĐIỀU LỆ VÀ DOANH NGHIỆP CÓ VỐN NHÀ NƯỚC
(Phụ lục kèm theo công văn số 7521/BTC-TCĐN ngày 01/8/2022 của Bộ Tài chính)

Số liệu theo báo cáo tài chính hợp nhất của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp có vốn nhà nước

ĐVT: Triệu đồng

B. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

TT		Tên Doanh nghiệp	I. KẾT QUẢ KINH DOANH													
			1. Tổng doanh thu (Mã số 10 + 21 + 31 KQKD)						2.a. Lợi nhuận trước thuế TNDN (Mã số 50 KQKD)							
			Năm 2021	Năm 2022			Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Năm 2021	Năm 2022			Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2025
				Kế hoạch	Thực hiện đến 30/6	Lúc thực hiện					Kế hoạch	Thực hiện đến 30/6	Lúc thực hiện			
A	Tổng cộng (B+C)															
B	Doanh nghiệp do Trung ương quản lý (=I+II+III+IV)															
I	Tập đoàn (=1+2+...)															
I.1	Doanh nghiệp A															
I.2	Doanh nghiệp B															
II	Tổng công ty (=1+2+...)															
II.1	Doanh nghiệp A															
II.2	Doanh nghiệp B															
III	Công ty mẹ - công ty con (=1+2+...)															
III.1	Doanh nghiệp A															
III.2	Doanh nghiệp B															
IV	Doanh nghiệp độc lập (=1+2+...)															
IV.1	Doanh nghiệp A															
IV.2	Doanh nghiệp B															
C	Doanh nghiệp do Địa phương quản lý (=I+II+III+IV)															
II	Tổng công ty (=1+2+...)															
II.1	Doanh nghiệp A															
II.2	Doanh nghiệp B															
III	Công ty mẹ - công ty con (=1+2+...)															
III.1	Doanh nghiệp A															
III.2	Doanh nghiệp B															
IV	Doanh nghiệp độc lập (=1+2+...)															
IV.1	Doanh nghiệp A															
IV.2	Doanh nghiệp B															

YT	Tên Doanh nghiệp	I. KẾT QUẢ KINH DOANH																	
		2.b. Lãi phát sinh sau thuế TNDN (Mã số 60 KQKD)						3. Lãi phát sinh (Mã số 50 KQKD âm)						4. Lãi lũy kế (Mã số 421 CĐKT âm)					
		Năm 2021	Năm 2022		Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Năm 2021	Năm 2022		Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Năm 2021	Năm 2022		Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2025
			Kế hoạch	Thực hiện đến 30/6					Ước thực hiện	Kế hoạch					Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện			
A	Tổng cộng (B+C)																		
B	Doanh nghiệp do Trung ương quản lý (=I+II+III+IV)																		
I	Tập đoàn (=1+2+...)																		
1.1	Doanh nghiệp A																		
1.2	Doanh nghiệp B																		
II	Tổng công ty (=1+2+...)																		
1.1	Doanh nghiệp A																		
1.2	Doanh nghiệp B																		
III	Công ty mẹ - công ty con (=1+2+...)																		
1.1	Doanh nghiệp A																		
1.2	Doanh nghiệp B																		
IV	Doanh nghiệp độc lập (=1+2+...)																		
1.1	Doanh nghiệp A																		
1.2	Doanh nghiệp B																		
C	Doanh nghiệp do Địa phương quản lý (=I+II+III+IV)																		
II	Tổng công ty (=1+2+...)																		
1.1	Doanh nghiệp A																		
1.2	Doanh nghiệp B																		
III	Công ty mẹ - công ty con (=1+2+...)																		
1.1	Doanh nghiệp A																		
1.2	Doanh nghiệp B																		
IV	Doanh nghiệp độc lập (=1+2+...)																		
1.1	Doanh nghiệp A																		
1.2	Doanh nghiệp B																		

TT	Tên Doanh nghiệp	II. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHÁT SINH PHẢI NỘP NSNN														
		III. Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN					I. Từ hoạt động kinh doanh nội địa					1.a. Thuế GTGT				
		Năm 2021	Năm 2022			Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Năm 2021	Năm 2022			Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Năm 2021
			Kế hoạch	Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện					Kế hoạch	Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện				
A	Tổng cộng (B+C)															
B	Doanh nghiệp do Trung ương quản lý (=I+II+III+IV)															
I	Tập đoàn (=1+2+...)															
I.1	Doanh nghiệp A															
I.2	Doanh nghiệp B															
II	Tổng công ty (=1+2+...)															
II.1	Doanh nghiệp A															
II.2	Doanh nghiệp B															
III	Công ty mẹ - công ty con (=1+2+...)															
III.1	Doanh nghiệp A															
III.2	Doanh nghiệp B															
IV	Doanh nghiệp độc lập (=1+2+...)															
IV.1	Doanh nghiệp A															
IV.2	Doanh nghiệp B															
C	Doanh nghiệp do Địa phương quản lý (=I+II+III+IV)															
II	Tổng công ty (=1+2+...)															
II.1	Doanh nghiệp A															
II.2	Doanh nghiệp B															
III	Công ty mẹ - công ty con (=1+2+...)															
III.1	Doanh nghiệp A															
III.2	Doanh nghiệp B															
IV	Doanh nghiệp độc lập (=1+2+...)															
IV.1	Doanh nghiệp A															
IV.2	Doanh nghiệp B															

TT	Tên Doanh nghiệp	II. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHÁT SINH PHẢI NỘP NSNN																					
		I.b. Thuế TTDB						I.c. Thuế TNDN						I.d. Các khoản thuế, phí phải nộp khác									
		Năm 2021	Năm 2022			Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Năm 2021	Năm 2022			Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Năm 2021	Năm 2022			Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2025	
			Kế hoạch	Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện					Kế hoạch	Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện					Kế hoạch	Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện				
A	Tổng cộng (B+C)																						
B	Doanh nghiệp do Trung ương quản lý (=I+II+III+IV)																						
I	Tập đoàn (=1+2+...)																						
1.1	Doanh nghiệp A																						
1.2	Doanh nghiệp B																						
II	Tổng công ty (=1+2+...)																						
1.1	Doanh nghiệp A																						
1.2	Doanh nghiệp B																						
III	Công ty mẹ - công ty con (=1+2+...)																						
1.1	Doanh nghiệp A																						
1.2	Doanh nghiệp B																						
IV	Doanh nghiệp độc lập (=1+2+...)																						
1.1	Doanh nghiệp A																						
1.2	Doanh nghiệp B																						
C	Doanh nghiệp do Địa phương quản lý (=I+II+III+IV)																						
II	Tổng công ty (=1+2+...)																						
1.1	Doanh nghiệp A	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.2	Doanh nghiệp B																						
III	Công ty mẹ - công ty con (=1+2+...)																						
1.1	Doanh nghiệp A																						
1.2	Doanh nghiệp B																						
IV	Doanh nghiệp độc lập (=1+2+...)																						
1.1	Doanh nghiệp A																						
1.2	Doanh nghiệp B																						

TT		Tên Doanh nghiệp		II. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHÁT SINH PHẢI NỘP NSNN																			
				2. Từ hoạt động kinh doanh XNK						2.a. Thuế XNK						3. Thuế tài lợi nhuận sau thuế đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; thu từ cổ tức, lợi nhuận được chia theo phần vốn nhà nước đối với công ty cổ phần, công ty TNHH 2TV trở lên							
				Năm 2021	Năm 2022			Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Năm 2021	Năm 2022			Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Năm 2021	Năm 2022			Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024
Kế hoạch	Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện đến 30/6				Ước thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện									
A	Tổng cộng (B+C)																						
B	Doanh nghiệp do Trung ương quản lý (=I+II+III+IV)																						
I	Tập đoàn (=1+2+...)																						
I.1	Doanh nghiệp A																						
I.2	Doanh nghiệp B																						
II	Tổng công ty (=1+2+...)																						
II.1	Doanh nghiệp A																						
II.2	Doanh nghiệp B																						
III	Công ty mẹ - công ty con (=1+2+...)																						
III.1	Doanh nghiệp A																						
III.2	Doanh nghiệp B																						
IV	Doanh nghiệp độc lập (=1+2+...)																						
IV.1	Doanh nghiệp A																						
IV.2	Doanh nghiệp B																						
C	Doanh nghiệp do Địa phương quản lý (=I+II+III+IV)																						
II	Tổng công ty (=1+2+...)																						
II.1	Doanh nghiệp A																						
II.2	Doanh nghiệp B																						
III	Công ty mẹ - công ty con (=1+2+...)																						
III.1	Doanh nghiệp A																						
III.2	Doanh nghiệp B																						
IV	Doanh nghiệp độc lập (=1+2+...)																						
IV.1	Doanh nghiệp A																						
IV.2	Doanh nghiệp B																						

TT	Tên Doanh nghiệp	III. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN ĐÃ NỘP NSNN														
		IV. Thuế và các khoản đã nộp NSNN					I. Tư hoạt động kinh doanh nội địa					I.a. Thuế GTGT				
		Năm 2021	Năm 2022			Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Năm 2021	Năm 2022			Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Năm 2021
			Kế hoạch	Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện					Kế hoạch	Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện				
A	Tổng cộng (B+C)															
B	Doanh nghiệp do Trung ương quản lý (=I+II+III+IV)															
I	Tập đoàn (=1+2+...)															
1.1	Doanh nghiệp A															
1.2	Doanh nghiệp B															
II	Tổng công ty (=1+2+...)															
1.1	Doanh nghiệp A															
1.2	Doanh nghiệp B															
III	Công ty mẹ - công ty con (=1+2+...)															
1.1	Doanh nghiệp A															
1.2	Doanh nghiệp B															
IV	Doanh nghiệp độc lập (=1+2+...)															
1.1	Doanh nghiệp A															
1.2	Doanh nghiệp B															
C	Doanh nghiệp do địa phương quản lý (=I+II+III+IV)															
II	Tổng công ty (=1+2+...)															
1.1	Doanh nghiệp A															
1.2	Doanh nghiệp B															
III	Công ty mẹ - công ty con (=1+2+...)															
1.1	Doanh nghiệp A															
1.2	Doanh nghiệp B															
IV	Doanh nghiệp độc lập (=1+2+...)															
1.1	Doanh nghiệp A															
1.2	Doanh nghiệp B															

		III. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN DẪ NỢ NSNN																					
TT	Tên Doanh nghiệp	I.b. Thuế TTDB						I.c. Thuế TNDN						I.d. Các khoản thuế, phí phải nộp khác									
		Năm 2021	Năm 2022			Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Năm 2021	Năm 2022			Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Năm 2021	Năm 2022			Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2025	
			Kế hoạch	Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện					Kế hoạch	Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện					Kế hoạch	Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện				
A	Tổng cộng (B+C)																						
B	Doanh nghiệp do Trung ương quản lý (=I+II+III+IV)																						
I	Tập đoàn (=1+2+...)																						
I.1	Doanh nghiệp A																						
I.2	Doanh nghiệp B																						
II	Tổng công ty (=1+2+...)																						
II.1	Doanh nghiệp A																						
II.2	Doanh nghiệp B																						
III	Công ty mẹ - công ty con (=1+2+...)																						
III.1	Doanh nghiệp A																						
III.2	Doanh nghiệp B																						
IV	Doanh nghiệp độc lập (=1+2+...)																						
IV.1	Doanh nghiệp A																						
IV.2	Doanh nghiệp B																						
C	Doanh nghiệp do Địa phương quản lý (=I+II+III+IV)																						
II	Tổng công ty (=1+2+...)																						
II.1	Doanh nghiệp A																						
II.2	Doanh nghiệp B																						
III	Công ty mẹ - công ty con (=1+2+...)																						
III.1	Doanh nghiệp A																						
III.2	Doanh nghiệp B																						
IV	Doanh nghiệp độc lập (=1+2+...)																						
IV.1	Doanh nghiệp A																						
IV.2	Doanh nghiệp B																						

TT	Tên Doanh nghiệp	2. Từ hoạt động kinh doanh XNK										2.a. Thuế XNK						3. Thu từ lợi nhuận sau thuế đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; thu từ cổ tức, lợi nhuận được chia theo phần vốn nhà nước đối với công ty cổ phần, công ty TNHH MTV trở lên					
		Năm 2021	Năm 2022		Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Năm 2021	Năm 2022		Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Năm 2021	Năm 2022		Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2025				
			Kế hoạch	Thực hiện đến 30/6					Ước thực hiện	Kế hoạch					Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện				Kế hoạch	Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện	
A	Tổng cộng (B+C)																						
B	Doanh nghiệp do Trung ương quản lý (=I+II+III+IV)																						
I	Tập đoàn (=1+2+...)																						
1.1	Doanh nghiệp A																						
1.2	Doanh nghiệp B																						
II	Tổng công ty (=1+2+...)																						
1.1	Doanh nghiệp A																						
1.2	Doanh nghiệp B																						
III	Công ty mẹ - công ty con (=1+2+...)																						
1.1	Doanh nghiệp A																						
1.2	Doanh nghiệp B																						
IV	Doanh nghiệp độc lập (=1+2+...)																						
1.1	Doanh nghiệp A																						
1.2	Doanh nghiệp B																						
C	Doanh nghiệp do Địa phương quản lý (=I+II+III+IV)																						
II	Tổng công ty (=1+2+...)																						
1.1	Doanh nghiệp A																						
1.2	Doanh nghiệp B																						
III	Công ty mẹ - công ty con (=1+2+...)																						
1.1	Doanh nghiệp A																						
1.2	Doanh nghiệp B																						
IV	Doanh nghiệp độc lập (=1+2+...)																						
1.1	Doanh nghiệp A																						
1.2	Doanh nghiệp B																						

TT	Tên Doanh nghiệp	IV. NGỘ THUẾ														V. Các khoản chi NSNN					
		1. Ngộ thuế và các khoản phải nộp thuế Nhà nước						1 a. Ngộ tiền thu từ lợi nhuận sau thuế đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; thu từ cổ tức, lợi nhuận được chia theo phần vốn nhà nước đối với công ty cổ phần, công ty TNHH 2TV trở lên													
		Năm 2021	Năm 2022			Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Năm 2021	Năm 2022			Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2025						
			Kế hoạch	Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện					Kế hoạch	Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện									
A	Tổng cộng (B+C)																				
B	Doanh nghiệp do Trung ương quản lý (=I+II+III+IV)																				
I	Tập đoàn (=1+2+...)																				
1.1	Doanh nghiệp A																				
1.2	Doanh nghiệp B																				
II	Tổng công ty (=1+2+...)																				
1.1	Doanh nghiệp A																				
1.2	Doanh nghiệp B																				
III	Công ty mẹ - công ty con (=1+2+...)																				
1.1	Doanh nghiệp A																				
1.2	Doanh nghiệp B																				
IV	Doanh nghiệp độc lập (=1+2+...)																				
1.1	Doanh nghiệp A																				
1.2	Doanh nghiệp B																				
C	Doanh nghiệp do Địa phương quản lý (=I+II+III+IV)																				
II	Tổng công ty (=1+2+...)																				
1.1	Doanh nghiệp A																				
1.2	Doanh nghiệp B																				
III	Công ty mẹ - công ty con (=1+2+...)																				
1.1	Doanh nghiệp A																				
1.2	Doanh nghiệp B																				
IV	Doanh nghiệp độc lập (=1+2+...)																				
1.1	Doanh nghiệp A																				
1.2	Doanh nghiệp B																				

TT		Tên Doanh nghiệp	V. CÁC KHOẢN CHI NSNN													
			1. Chi thường xuyên theo quy định tại Nghị định số 148/2021/NĐ-CP						2. Chi đầu tư phát triển theo quy định tại Nghị định số 148/2021/NĐ-CP							
			Năm 2021	Năm 2022			Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Năm 2021	Năm 2022			Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Kế hoạch năm 2025
				Kế hoạch	Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện					Kế hoạch	Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện			
A	Tổng cộng (B+C)															
B	Doanh nghiệp do Trung ương quản lý (=I+II+III+IV)															
I	Tập đoàn (=1+2+...)															
1.1	Doanh nghiệp A															
1.2	Doanh nghiệp B															
II	Tổng công ty (=1+2+...)															
1.1	Doanh nghiệp A															
1.2	Doanh nghiệp B															
III	Công ty mẹ - công ty con (=1+2+...)															
1.1	Doanh nghiệp A															
1.2	Doanh nghiệp B															
IV	Doanh nghiệp đặc biệt (=1+2+...)															
1.1	Doanh nghiệp A															
1.2	Doanh nghiệp B															
C	Doanh nghiệp do Địa phương quản lý (=I+II+III+IV)															
II	Tổng công ty (=1+2+...)															
1.1	Doanh nghiệp A															
1.2	Doanh nghiệp B															
III	Công ty mẹ - công ty con (=1+2+...)															
1.1	Doanh nghiệp A															
1.2	Doanh nghiệp B															
IV	Doanh nghiệp đặc biệt (=1+2+...)															
1.1	Doanh nghiệp A															
1.2	Doanh nghiệp B															

TT	Tên Doanh nghiệp	V. CÁC KHOẢN CHỈ SỐ					
		3. Chi khác					
		Năm 2021	Năm 2022			Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024
			Kế hoạch	Thực hiện đến 30/6	Ước thực hiện		
A	Tổng cộng (B+C)						
B	Doanh nghiệp do Trung ương quản lý (=I+II+III+IV)						
I	Tập đoàn (=1+2+...)						
1.1	Doanh nghiệp A						
1.2	Doanh nghiệp B						
II	Tổng công ty (=1+2+...)						
1.1	Doanh nghiệp A						
1.2	Doanh nghiệp B						
III	Công ty mẹ - công ty con (=1+2+...)						
1.1	Doanh nghiệp A						
1.2	Doanh nghiệp B						
IV	Doanh nghiệp độc lập (=1+2+...)						
1.1	Doanh nghiệp A						
1.2	Doanh nghiệp B						
C	Doanh nghiệp do Địa phương quản lý (=I+II+III+IV)						
I	Tập đoàn (=1+2+...)						
1.1	Doanh nghiệp A						
1.2	Doanh nghiệp B						
II	Tổng công ty (=1+2+...)						
1.1	Doanh nghiệp A						
1.2	Doanh nghiệp B						
III	Công ty mẹ - công ty con (=1+2+...)						
1.1	Doanh nghiệp A						
1.2	Doanh nghiệp B						
IV	Doanh nghiệp độc lập (=1+2+...)						
1.1	Doanh nghiệp A						
1.2	Doanh nghiệp B						

Phụ lục 3

(kèm theo công văn số 7521/BTC-TCĐN ngày 01/8/2022 của Bộ Tài chính)

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

đánh giá tình hình thực hiện NSNN năm 2022, xây dựng dự toán năm 2023 và kế hoạch tài chính – NSNN 03 năm 2023-2025 của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp có vốn nhà nước

A – NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ ĐỐI VỚI NĂM 2022:

I. Kế hoạch tài chính được Cơ quan đại diện chủ sở hữu giao năm 2022

Nêu rõ văn bản giao kế hoạch và các chỉ tiêu kế hoạch tài chính được giao.

II. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch tài chính – ngân sách 6 tháng đầu năm 2022 so với Kế hoạch năm 2022

1. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty mẹ

- Đánh giá về sản lượng khai thác kinh doanh so với kế hoạch năm và so với cùng kỳ năm trước; các hoạt động sản xuất, kinh doanh đặc thù của doanh nghiệp.

- Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Nhận xét về kết quả kinh doanh trong 6 tháng đầu năm 2022 của doanh nghiệp so với kế hoạch năm và so với cùng kỳ năm trước; đánh giá tình hình biến động của kết quả sản xuất kinh doanh qua các kỳ, tình hình quản lý chi phí sản xuất kinh doanh và chi phí quản lý.

- Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước: doanh nghiệp báo cáo số đã thực nộp NSNN trong 6 tháng đầu năm 2022, trong đó báo cáo cụ thể tiền thu từ lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ; tiền thu từ cổ tức, lợi nhuận được chia cho phần vốn góp nhà nước tại doanh nghiệp đã nộp NSNN (nếu có).

- Tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Hội đồng thành viên về việc phân phối lợi nhuận của các năm trước trong năm 2022 (đối với công ty cổ phần, công ty TNHH 2 TV trở lên) và tình hình thực hiện trong 6 tháng đầu năm 2022.

2. Đánh giá tình hình hoạt động toàn Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước (theo các nội dung tương tự như Công ty mẹ).

III. Đánh giá ước thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch tài chính năm 2022

- Đánh giá về sản lượng khai thác kinh doanh cả năm so với kế hoạch năm và so với năm năm trước; các hoạt động sản xuất, kinh doanh đặc thù.¹

¹ Riêng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đề nghị đánh giá khả năng thực hiện sản lượng khai thác, giá thanh toán dầu thô, trên cơ sở đó ước tính số thu từ dầu thô năm 2022, dự báo năm 2023, 2024, 2025 (chỉ tiết theo từng mỏ); đánh giá tác động đến NSNN liên quan đến phương án xử lý bao tiêu sản phẩm của Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

- Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Nhận xét về tình hình thực hiện so với kế hoạch năm và so với năm năm trước; biến động của kết quả sản xuất kinh doanh qua các kỳ, tình hình quản lý chi phí sản xuất kinh doanh và chi phí quản lý.

Trong đó cần đánh giá rõ bối cảnh ngành, lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp năm 2022; hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp so với các doanh nghiệp cùng ngành nghề hoạt động; lưu ý đánh giá cụ thể đối với các dự án lớn thua lỗ, hoạt động không hiệu quả làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, trong đó cần làm rõ khả năng thu nộp NSNN bao gồm cả tiền thu từ lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ của từng doanh nghiệp; tiền thu từ cổ tức, lợi nhuận được chia cho phần vốn góp nhà nước tại doanh nghiệp (kèm theo thuyết minh cụ thể).

- Tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Hội đồng thành viên về việc phân phối lợi nhuận của các năm trước trong năm 2022 và của năm 2022 (đối với công ty cổ phần, công ty TNHH 2 TV trở lên) và tình hình thực hiện trong năm 2022.

IV. Thuận lợi, khó khăn

V. Giải pháp để hoàn thành kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước năm 2022

B- DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2023-2025

Trên cơ sở kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021, tình hình thực hiện năm 2022 và kế hoạch, chiến lược 05 năm đã được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt, dự báo về ngành, lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp trong những năm tiếp theo, doanh nghiệp tập trung đánh giá làm rõ về khả năng thu nộp NSNN trong các năm 2023, 2024, 2025 (kèm theo thuyết minh cụ thể).
